

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1519	Trần Thị Bạch Tuyết		28/02/1974		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1520	Nguyễn Thị Kim Hương		01/01/1978		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1521	Nguyễn Phi Mão	24/11/1987			ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1522	Nguyễn Thị Thuận		01/01/1964		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1523	Lê Thị Hân		01/01/1934		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1524	Vũ Thị Diễm		15/04/1934		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1525	Vũ Thị Tiêm		01/01/1934		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1526	Nguyễn Minh Hân	20/08/1934			ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1527	Phạm Thị Lự		01/01/1936		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1528	Bùi Thị Khương		02/06/1934		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1529	Nguyễn Thị Thanh		01/01/1934		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1530	Nguyễn Thị Nụ		21/05/1934		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1531	Nguyễn Thị Tám		01/01/1934		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1532	Vũ Công Thủy	01/01/1978			ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1533	Nguyễn Thị Thùy		01/01/1951		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1534	Nguyễn Văn Nghĩa	01/01/1934			ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1535	Nguyễn Thị Khuy		30/11/1931		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1536	Nguyễn Văn An	15/10/1937		270426588	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1537	Vũ Quốc Nguyễn	04/09/2012			ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1538	Vũ Văn Ân	01/01/1935			ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1539	Trần Thị Ruong		01/01/1939	270426594	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1540	Bùi Thị Gái		01/01/1935		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1541	Nguyễn Thị Thái		01/01/1935		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1542	Nguyễn Thị Thanh		01/01/1935		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1543	Nguyễn Thị Khôi		01/01/1935		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1544	Nguyễn Thị Đại		01/01/1943		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
1545	Nguyễn Thị Hoa		12/03/1976		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1546	Nguyễn Văn Kiêm	01/01/1944			ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
1547	Nguyễn Thị Nhân		25/09/1948		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1548	Hoàng Thị Tư		01/04/1935		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1549	Phạm Quang Vinh	15/04/1935			ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1550	Vũ Duy Ngọc	06/05/1935			ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1551	Nguyễn Lữ Hoàng Hải	24/05/1985			ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1552	Vũ Thị Xuân		05/07/1936		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1553	Lê Thị Thơm		19/05/1935		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1554	Nguyễn Văn Ba	02/11/1950			ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
1555	Nguyễn Quốc Hùng	26/03/1991			ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1556	Trần Văn Bản	11/11/1935			ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1557	Nguyễn Xuân Đào		01/06/2014		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
1558	Nguyễn Thanh Xuân		02/12/1990		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1559	Vũ Văn Hồn	20/10/1951			ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
1560	Vũ Thế Doanh	28/09/1988			ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1561	Đặng Thị Hải		13/05/1936		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1562	Nguyễn Thị Rong		12/12/1935		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1563	Nguyễn Văn Cư	01/01/1936			ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1564	Nguyễn Thị Lụa		01/01/1936		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1565	Hoàng Thị Nga		01/01/1936		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1566	Trần Thị Sinh		01/01/1936		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1567	Nguyễn Văn My	14/05/1936			ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1568	Nguyễn Thị Hợi		01/01/1937		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1569	Nguyễn Thị Đức		01/01/1937		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1570	Nguyễn Văn Giao	05/02/1937			ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1571	Lê Thị Hương		01/01/1937		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1572	Nguyễn Thị Nương		01/01/1937		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1573	Nguyễn Thị Nhớ		01/01/1937		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1574	Nguyễn Thị Thận		01/01/1937		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1575	Nguyễn Thị Thơi		01/01/1937		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1576	Phạm Tấn Lập	12/09/2005			ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1577	Vũ Thị Hậu		02/03/1937	270426047	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1578	Vũ Tuấn Thiết	19/04/1937		270426212	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1579	Vũ Thị Như		05/07/1937	272365447	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1580	Nguyễn Văn Cơ	15/06/1937		270426649	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1581	Dặng Ngọc Như	10/09/1937		270427240	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1582	Nguyễn Thị Mến		27/08/1937	270408193	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1583	Nguyễn Thị Tâm		15/01/1938	270427324	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1584	Đinh Thị Hương		01/01/1938	272891044	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1585	Nguyễn Thị Minh Châu		01/01/1938	270569157	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1586	Tổng Văn Tôn	01/01/1938		272012382	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1587	Võ Thị Ngọc Thành		17/04/1952	270389083	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1588	Nguyễn Văn Danh	18/06/1938		270427305	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1589	Nguyễn Thị Thoi		07/09/1937	270427582	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1590	Nguyễn Thành Đông	23/09/1965		271571338	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1591	Nguyễn Văn Huệ	20/10/1938			ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1592	Bùi Thị Rịu		12/12/1938	270427546	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1593	Vũ Thị Dươn		01/01/1939	278427254	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1594	Nguyễn Văn Hột	01/01/1939		270395821	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1595	Trần Thị Cẩn		01/01/1939	270426650	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1596	Nguyễn Văn Tùng		10/03/1939	270988133	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1597	Vũ Quang Huân	01/01/1939			ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1598	Nguyễn Văn Động	01/01/1939		272091606	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1599	Vũ Thị Hương		01/01/1939	270426633	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1600	Nguyễn Văn Hậu	28/02/1939		270427663	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1601	Nguyễn Văn Dương	01/01/1939		272216402	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1602	Vũ Tiến Thủy		01/01/1939	270426159	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1603	Nguyễn Văn Chuẩn	09/04/1939		270426156	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1604	Nguyễn Thị Vạn		01/01/1939		ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1605	Nguyễn Thanh Minh	12/08/1939		270426100	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1606	Nguyễn Thị Cảnh		22/06/1939	270426640	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1607	Bùi Văn Quân	20/04/1993		272282940	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1608	Nguyễn Thị Dương		29/08/1939	270426488	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1609	Lương Thị The		01/01/1940	270426306	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1610	Vũ Thị Đờ		01/01/1940	270427754	ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1611	Vũ Văn Phúc	17899			ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	600.000	
1612	Trần Bá Thiết	01/01/1984		Khuyết tật	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1613	Nguyễn Bàng	05/02/1940		272094264	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1614	Bạch Thị Lựt		01/01/1940	271692482	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHYT theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1615	Nguyễn Thị Hạnh		01/01/1981	271032483	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1616	Lê Thị Thanh		23/07/1969	271987239	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1617	Lê Thị Ôi		01/01/1959	272432270	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	600.000	
1618	Nguyễn Thị Mạnh		01/01/1975	Khuyết tật	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1619	Trần Thị Truyền		02/10/1948	271872712	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1620	Trần Thị Thom		01/01/1924	272308973	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	750.000	1.500.000	
1621	Lê Thạch	01/01/1925		270921360	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1622	Đỗ Thị Huân		08/04/1932	272820035	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1623	Nguyễn Thị Xuyên		01/01/1974	Khuyết tật	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1624	Nguyễn Thị Hồng Vân		23/08/1976	271781986	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1625	Phạm Trần Ngọc Hải	01/01/1982		Khuyết tật	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1626	Nguyễn Duy Hiền	01/01/1958		Khuyết tật	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1627	Lê Văn Dũng	01/01/1952		Khuyết tật	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
1628	Lê Văn Loan	20/04/1954		272127444	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1629	Võ Thị Mỹ Hạnh		13/03/1966	270921047	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1630	Nguyễn Thị Hương		01/01/1959	Khuyết tật	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1631	Trần Thị Hợp		20/08/1954	272686674	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1632	Nguyễn Phiến	07/05/1930		272127422	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1633	Trần Văn Phương	01/01/1930		190245914	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1634	Cóc Cai Dính		01/01/1930	271033612	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1635	Dzịp Vòng Cú		12/01/1927	270756626	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1636	Nguyễn Thị Xuyên		07/01/1930	272380291	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1637	Vô Thị Bích		31/07/1931	270684841	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1638	Tô Chấn Ngàn	01/01/1931		270134711	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1639	Nguyễn Thế Chuyển	01/01/1929		270999846	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
1640	Nguyễn Thị Hạnh		15/08/1931	271871174	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1641	Lâm Chính Sênh	01/01/1931		210736666	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1642	Trần Thị Đặng		01/01/1931	272028701	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1643	Trần Phi Hùng	13/08/1967		272028682	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1644	Trần Thị Nguyệt		29/09/1953	271872826	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1645	Nguyễn Quý	17/08/1931		270441974	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1646	Nguyễn Thị Lũy		09/04/1933		ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1647	Ngô Văn Chí	01/01/1952		270684976	ấp Cây diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1648	Lê Thị Sài		03/03/1930	190382218	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1649	Võ Thị Hoa		01/01/1955	Khuyết tật	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1650	Nguyễn Trường Sơn	02/02/1966		272308313	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1651	Trương Văn Sơn	01/01/1968		Khuyết tật	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1652	Bùi Khoang	17/05/1931		270700280	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1653	Hồ noa	01/01/1932		190554534	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1654	Nguyễn Thị Hồng		16/01/1932	270134872	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000	
1655	Trần Thị Minh		01/01/1932	270684831	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1656	Bùi Thị Quế		01/01/1932	272308769	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1657	Đặng Đức Hậu	01/01/1949		272119712	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
1658	Nguyễn Thị Đào		15/10/1953	270612607	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1659	Lê Doãn Thề	10/08/1979		272521246	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1660	Nguyễn Văn Hữu	01/01/1990		271939487	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1661	Vòng Đức Huy	14/1/2003		Khuyết tật	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặcbiệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
1662	Vòng A Pát	03/09/1968		270989692	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1663	Võ Trần Lan Hương		13/07/2007	Còn nhỏ	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1664	Nguyễn Thị Liễu		01/01/1968	271512468	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1665	Lương A Mân		23/03/1933	272028010	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1666	Nguyễn Sang	05/10/1933		272127378	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1667	Thống A Sáng	29/12/1933		270769790	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1668	Lương Thị Sen		01/01/1933	270598774	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1669	Trương Văn Thí	03/03/1933		272410402	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1670	Nguyễn Hà Thu Hiền		20/06/1985	Khuyết tật	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1671	Nguyễn Văn Nhật	17/08/1949		270034842	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1672	Hoàng Thị Hiền		01/01/1930	272603381	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1673	Lê Thị Thuyết		01/01/1934	272365304	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1674	Trần Thị Xuyên		01/01/1934	271082715	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1675	Lưu A Kiú		30/04/1934	270140494	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1676	Trương Thị Thôi		20/06/1935	271987716	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000	
1677	Hồ Sập Múi		11/06/1937	271218620	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1678	Hoàng Thị Thu Hương		18/08/2003	Khuyết tật	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tự cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1679	Tăng Quay Mênh	20/08/1979		271351361	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	600.000	
1680	Giềng A Sy	18/04/1967		271218619	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1681	Trần Thị Lua		01/01/1966	272283454	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1682	Trần Trầu	02/09/1937		272216846	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1683	Trần Duy Lượn	02/02/1984		271567756	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1684	Lê Thị Niêm		30/03/1947	271952879	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1685	Đinh Minh Sơn	22/01/1966		270700323	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1686	Đinh Hùng Danh	11/01/2011		Còn nhỏ	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1687	Kiểu Minh Các	01/01/1935		270989175	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1688	Phạm Thị Xuyên		01/01/1938	272073512	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1689	Nguyễn Thị Phúc		01/01/1935	270684915	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1690	Phan Thị Xềng		01/01/1935	272394530	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1691	Thái Thị Cam		06/05/1935	270441973	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1692	Nguyễn Gia Nguyễn	08/01/2012		Còn nhỏ	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
1693	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh		06/06/1988	272747971	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1694	Lê Thị Nhiệm		18/08/1935	270684864	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1695	Nguyễn Đình Khang	26/06/1964		270685022	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1696	Phạm Quang Mạnh	13/10/1954		270684885	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
1697	Nguyễn Thị Bé		01/01/1957	270684886	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1698	Chiến Thị Mùi		25/08/1961	270768243	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1699	Trần Duy Huê	12/02/1936		270989289	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1700	Vân Thị Huệ		14/04/1940	271797171	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1701	Nguyễn Thị Vòng		01/01/1936	270554258	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1702	Đoàn Thị Vườn		04/01/1936	272560060	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1703	Hoàng Đình		21/02/1938	272493351	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1704	Ngô Quốc Hiền	03/01/2002		Khuyết tật	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	600.000	1.500.000	
1705	Nguyễn Thị Hồng Cúc		23/01/1981	272798102	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1706	Đào Văn Mẫn	10/06/1936		272775858	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1707	Trần Thị Tâm		20/03/1940	280298412	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1708	Sin Mỹ Chánh		26/02/2010	Còn nhỏ	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
1709	Sin Trần Ngọc	12/07/2004		Còn nhỏ	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
1710	Gip Công Phùng		06/12/1975	271225231	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tự cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1711	Nguyễn Thị Ngời		01/01/1937	270684884	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
1712	Nguyễn Thị Thu Sương		15/08/1973	271121937	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1713	Hoàng Thị Ren		01/01/1937	270932342	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1714	Lê Văn Roan		13/04/1941	271681864	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
1715	Hoàng Thị Khánh		02/01/1942	271871155	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1716	Sú Phát Dưỡng		01/02/1938	270757813	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1717	Trần Thị Mai		04/04/1937	272636464	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1718	Bùi Đức Tuệ		10/10/1937	272913787	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1719	Vũ Thị Tuyết		01/01/1936	272913787	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	600.000	
1720	Ứng Chấn Và		05/01/1938	270016299	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1721	Đoàn Thị Hìn		05/03/1938	270131484	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
1722	Nguyễn Văn Hòa		16/09/1966	270793104	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1723	Phan Văn Vụ		19/05/1938	270554848	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1724	Trương Văn Trần		24/06/1938	272900701	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1725	Trương Thị Chắt		10/08/1938	272686693	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1726	Phạm Thị Khanh		01/01/1931	272912143	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hằng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1727	Phạm Thị Hồng		01/12/1938	271939518	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1728	Lương Văn Kim	01/01/1939		272182289	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1729	Phan Thị Quế		01/01/1939	270685025	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1730	Trần Bá Chương	10/01/1939		270684988	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1731	Lê Thị Lưu		05/02/1939	272189332	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1732	Nguyễn Thị Sen		20/10/1949	270495442	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1733	Lưu Thị Đào		01/10/1956	272308737	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
1734	Nguyễn Văn Liệu	12/12/1958		272028522	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1735	Tô Thị Tịch		01/01/1944	272532951	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1736	Lê Tân	15/05/1939		272531787	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1737	Nguyễn Văn Bé	09/07/1939		270129740	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1738	Tsần Vòng Dưỡng	09/10/1952		270759518	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
1739	Tsần Cẩm Sính	01/08/1997		272624324	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1740	Đoàn Bá Phi	06/01/2009		Còn nhỏ	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1741	Bùi Thị Ngọc Hân		01/07/1974	272531925	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	600.000	
1742	Phạm Công Chính	10/10/1939		270999917	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHYT theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tự cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1743	Vũ Thị Huệ		24/02/1940	270418589	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1744	Lê Thị Hiền		01/01/1940	180116386	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1745	Hồ Thị Mau		09/08/1951	272311840	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1746	Bạch Sứ	01/01/1940		272160186	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1747	Nguyễn Thị Mơ		08/03/1977	271808401	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1748	Hoàng Thị Thuý Hằng		01/01/1993	Khuyết tật	ấp Suối Tiên, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1749	Mộc Sâm Mùi		01/01/1924	272308965	ấp Suối Tiên, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.000.000	
1750	Vòng Và Sấn	01/01/1928		270469824	ấp Suối Tiên, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1751	La Thị Tần		01/01/1949	271218364	ấp Suối Tiên, xã Cây Gáo	Người già cô đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
1752	Trần Văn Tỷ	01/01/1928		270438145	ấp Suối Tiên, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1753	Vy Thị Đông		01/11/1931	270656810	ấp Suối Tiên, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1754	Mã Thị Xin		01/01/1931	270038326	ấp Suối Tiên, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
1755	Hoàng Tiến Thành	30/08/1966		270656776	ấp Suối Tiên, xã Cây Gáo	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1756	Vũ Thị Lý		01/01/1983	Khuyết tật	ấp Suối Tiên, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1757	Lý Hiền Trung	06/05/1929		271594425	ấp Suối Tiên, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000	
1758	Vòng A Há		15/07/1959	270434504	ấp Suối Tiên, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1759	Lò A Hénh	20/09/1950		270434620	ấp Suối Tiên, xã Cây Gáo	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1760	Cao Văn Quý	01/01/1935		271033435	ấp Suối Tiên, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1761	Vý Thị Sáu		02/01/1935	270481926	ấp Suối Tiên, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1762	Trần Công Hùng	13/08/1986		271939699	ấp Suối Tiên, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1763	Hồ Thị Ái Nhi		21/01/1986	215019801	ấp Suối Tiên, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1764	Nguyễn Văn Ba	06/06/1939		272365409	ấp Suối Tiên, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1765	Nguyễn Hoàng Minh Thy		13/12/2016	Còn nhỏ	ấp Suối Tiên, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1766	Nguyễn Thị Nhiên		01/01/1940	272559986	ấp Suối Tiên, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1767	Nguyễn Thị Khuyên		06/06/1941	271987909	ấp Suối Tiên, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
1768	Vũ Văn Tuấn	06/07/1977		271987910	ấp Suối Tiên, xã Cây Gáo	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	600.000	
1769	Bùi Văn Vi	01/01/1927		270684157	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1770	Đặng Thị Tiến		07/07/1929	270684102	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1771	Bùi Ngọc Giàu		01/01/1983	Khuyết tật	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1772	Sưu Bạt Mùi		01/01/1918	270470892	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000	
1773	Vòng Cén Von	15/02/1991		Khuyết tật	ấp Tân lập 1, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1774	Chông Sâm Mùi		01/01/1925	272394740	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1775	Chánh A Bát	26/06/1931		270769379	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1776	Hồ Công Nhục	18/04/1984		271567808	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1777	Dip Bắc Múi		11/04/1931	270769532	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1778	Lênh Sám Múi		10/04/1926	273096533	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1779	Siêu A Mộc		14/07/1931	270759658	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1780	Đào Lý Tài	23/01/1961		270736944	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1781	Vòng Pát Mùi		01/01/1930	230213112	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1782	Thu Vĩnh Mùi	02/08/1932		270769311	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1783	Sú Sênh Công	01/09/1932		270758895	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1784	Nguyễn Thị Thông		15/06/1932	270374123	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1785	Hồ Văn Tân	17/10/1930		270440004	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1786	Dương Tế Kiên	01/01/1928		271033746	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1787	Nguyễn Văn Cừ	18/08/1933		272179265	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1788	Huỳnh Thị Thoại		10/10/1939	272179266	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1789	Nim Pắc Giông	03/08/1934		270563883	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1790	Lù Say Phốc	06/09/1934		272624279	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1791	Lý A Sáng	01/01/1935		270769348	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1792	Vòng Bắc Cú		28/03/1935	270769631	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1793	Diệp Vòng Mùi		21/03/1935	270769354	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1794	Gìn Cún Cú		18/05/1978	271399570	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1795	Nguyễn Thành Công	12/12/2000		Khuyết tật	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1796	Cháu Thủ Cú		10/07/1936	270769189	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1797	Nguyễn Văn Tính	14/03/1960		270755056	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1798	Nguyễn Thị Nương		01/01/1965	270494568	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1799	Linh A Cửu		01/01/1938	270769429	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1800	Cháu Lòng	25/10/1938		271424973	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1801	Chiu Sóng Cống	10/06/1939		271120286	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1802	Hoàng Thị Muối		13/08/1939	270758896	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1803	Dzip Thúy Phương		15/07/1998	Khuyết tật	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1804	Huỳnh Thủ Kiều		09/03/1939	270503070	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1805	Hoàng Minh Phùng	01/01/1940		270938178	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1806	Nguyễn Văn Lương	03/01/1940		271939726	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1807	Niêm Cún Cú		16/06/1939	271949866	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1808	Nguyễn Phước Thành	26/09/1970		270800809	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1809	La Văn Kiều	19/04/1940		270799799	ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1810	Phạm Thị Tèo		01/01/1949	150901204	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1811	Lăng A Cầu	01/01/1966		270769696	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1812	Trình Sỹ		19/05/1934	270769698	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1813	Lý A Lộc	01/01/1953		270503351	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1814	Trần Duy Lộc	01/01/1995		Khuyết tật	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1815	Trần Duy Dành	22/09/1970		270920999	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1816	Trần Đình Trung	01/01/1982		271567880	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1817	Sú Ngọc Như		23/02/2012	Còn nhỏ	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1818	Hoàng Văn Tuế	19/05/1960		278987782	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1819	Nông Sỹ		01/01/1925	270685035	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1820	Nguyễn Văn Tý	01/01/1968		272191434	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	600.000	
1821	Phan Thị Hòa		31/10/1931	180461419	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1822	Lô Ngọc Cường	26/09/1973		271833712	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1823	Huỳnh Lập Sơ	01/01/1926		270769706	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1824	Trần Văn Khâm	15/05/1929			ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1825	Lê Thị Hoa		09/02/1934	272655007	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1826	Vũ Thị Hải		01/01/1930	272394750	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1827	Linh Thị		04/06/1928	270769735	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1828	Sầm A Sáng	16/06/1929			ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1829	Hà Thị Thu Nhi		01/01/1992	Khuyết tật	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1830	Thống Công Mùi		01/01/1931	270241921	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1831	Trần Thị Lý		01/01/1931		ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1832	Sú A Nhi	01/01/1930			ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1833	Trần Thị Lèo		16/11/1927	271646454	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1834	Chu Thị Liên		01/01/1963		ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1835	Vý Thị Liu		18/08/1932	270684973	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1836	Sầm Thế Kiều	12/08/1991		272028447	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1837	Sầm Việt Sóng	14/04/1968		270769672	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1838	Hoàng Thị Châu		08/10/1933	270500763	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHYT theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1839	Nguyễn Thị Chu		20/12/1933	270684868	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1840	Mã Thị Điền		10/10/1933	270684328	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1841	Sú Chúc Múi		28/11/1933	270038706	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1842	Dín Nhục Múi		16/05/1994	272308741	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1843	Dín Cán Sàng	27/06/1973		271872823	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1844	Trần Thị Thanh Bình		14/09/1992	272217049	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1845	Bế Quốc Hưng	02/01/1982		271443885	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1846	Hoàng Thị Nam		08/08/1955	270038758	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1847	Dương Văn Chăng	11/01/1934		270685050	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1848	Nông Thị Hoa		20/10/1937	270685071	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1849	Nguyễn Thị Nuôi		10/06/1934	270174165	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1850	Nguyễn Văn Đăng	01/01/1934		200792278	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1851	Trần Thị Hà		03/07/1972	161991041	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người đơn thân thuộc hộ nghèo nuôi trên 01 con	600.000	1.500.000	
1852	Sỹ A Tài	01/01/1935		270684843	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1853	Nguyễn Ngọc Triều	01/01/1935		270685294	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1854	Nguyễn Thị Hôi		25/01/1940	272365544	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1855	Phòng Hỷ Zénh	28/01/1935		270769908	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1856	Ngô Thọ Dưỡng	18/06/1935		272308794	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1857	Hoàng Thị Pái		28/09/1935	270424714	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1858	Đặng Thị Loan		20/10/1937	272308936	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1859	Chu Thị Bé		05/05/1961	272526316	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1860	Vòng Nhật Khin	01/12/1935		270684851	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1861	Vy Văn Tăng	16/08/1936		270684834	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1862	Bạch Thị Dò		01/01/1937	270871150	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1863	Chị Nhị Múi		01/01/1937	270585907	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1864	Trần Thị Uyển		01/01/1937	370299264	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1865	Phan Thị Đằm		01/01/1939	272308773	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1866	Lưu Nhị Múi		07/06/1937	272685043	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1867	Sý Ứng Múi		14/12/1937	270684902	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1868	Tsú Sám Múi		18/12/1937	270769711	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1869	Vầy Lương Khin	18/06/1987		270742529	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1870	Lê Thị Tiu		01/01/1938	272858751	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1871	Mạ Thị Năm		01/01/1938	272684926	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1872	Nguyễn Văn Hùng	01/01/1937		270755376	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1873	Thòng Ứng Múi		27/09/1938	270989305	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1874	Lý Vĩnh Trọng	05/01/1968		270989770	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1875	Tăng Thế Hùng		06/07/1983	272559997	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người đơn thân thuộc hộ nghèo nuôi trên 01 con	600.000	1.500.000	
1876	Nguyễn Văn Khánh	16/02/2011		Còn nhỏ	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1877	Sít Ứng Mùi		18/02/1952	270989307	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1878	Hoàng Thị Vui		17/10/1939	270684930	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1879	Trần Ngọc Hoa		01/01/1940	327358704	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1880	Ngô Mỹ Liên		18/03/1972	272581645	ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1881	Phạm Thị Phương Thảo		01/01/1987	0	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1882	Võ Thị Hằng		01/01/1950	270435610	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1883	Trần Tuấn Cảnh	03/08/1997		272655159	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1884	Đỗ Võ Hà Phi	06/05/2001		0	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1885	Võ Thị Mai Ly		15/02/1974	272331992	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1886	Nguyễn Đỗ Nhật Trường	22/08/1982		271730369	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1887	Nguyễn Thị Thảo Trang		01/01/1974	272581121	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1888	Đỗ Thị Lùng		01/01/1951	270141472	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1889	Lê Thị Lai		01/01/1941	270135519	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người già có đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
1890	Phan Văn Buồng	01/01/1926		270438231	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1891	Nguyễn Thị Duối		01/01/1927	270435594	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1892	Võ Văn Hưng	01/01/1981		0	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1893	Nguyễn Thị Dương		01/01/1963	0	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1894	Huỳnh Văn Sang	12/02/1970		272029204	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1895	Nguyễn Thị Hiền		13/12/1974	271121450	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1896	Nguyễn Thị Diệu		13/09/1973	271065131	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1897	Hồ Ngọc Nguyệt Ánh		27/05/1984	0	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1898	Đỗ Thị Kim Lan		12/04/1978	0	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1899	Nguyễn Văn Lết	01/01/1934		270435098	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1900	Lê Thị Chợ		01/01/1935	270411946	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1901	Lê Thị Chấn		01/01/1935	270435683	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1902	Nguyễn Thị Chính		01/01/1936	270657613	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1903	Trần Thị Múc		01/01/1937	270435085	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1904	Võ Thị Xin		25/08/1937	270895150	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	300.000	1.500.000	
1905	Nguyễn Hoàng Thanh	13/12/1993		276216186	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	450.000	1.500.000	
1906	Phan Quỳnh Lan		02/11/2011	0	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	750.000	1.500.000	
1907	Phan Thành Được	27/08/1979		271351699	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1908	Đặng Thị Diệp		01/01/1938	272029205	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1909	Bùi Thị Nghén		01/01/1938	270418969	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1910	Huỳnh Thị Suốt		01/01/1938	270435472	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1911	Phạm Văn Minh	01/01/1939		270435321	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1912	Đỗ Văn Vỹ	01/01/1940		272820741	ấp Tân Đạt, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	300.000	1.500.000	
1913	Nguyễn Thị Hồng Liên		01/01/1984	271662228	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1914	Huỳnh Tuấn Khanh	01/01/1976		0	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người già cô đơn từ 80 tuổi trở lên	450.000	1.500.000	
1915	Lê Thị Loan		01/01/1935	270452061	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	600.000	1.500.000	
1916	Nguyễn Thị Thuộc		01/01/1926	270436755	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tự cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1917	Phùng Xuân Sinh	01/01/1930		270437011	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	750.000	1.500.000	
1918	Phạm Thị An		01/01/1936	270437012	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	300.000	1.500.000	
1919	Trần Quốc Khánh	13/04/1991		0	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	450.000	1.500.000	
1920	Nguyễn Thị Khi		01/01/1928	270431798	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1921	Phan Thị Hẹ		01/01/1929	270437083	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1922	Trần Văn Thor	01/01/1929		272886661	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1923	Tạ Lâm	01/01/1930		20686189	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	300.000	1.500.000	
1924	Trần Thị Kim Phương		23/06/1967	270686629	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	450.000	1.500.000	
1925	Nguyễn Khương	01/01/1947		272393410	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	600.000	1.500.000	
1926	Nguyễn Hoàng Diễm My		01/01/1999	0	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1927	Nguyễn Văn Cúc	29/04/1963		272695352	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1928	Nguyễn Trí Tuệ	01/01/1973		271121585	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	450.000	1.500.000	
1929	Nguyễn Trinh Chi	01/01/1931		181281150	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1930	Nguyễn Thị Lan		01/01/1933	181281119	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1931	Nguyễn Thị Vang		01/01/1931	270437615	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	300.000	1.500.000	
1932	Trần Văn Chung	29/10/1954		160877133	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1933	Nguyễn Văn Cao	20/12/1958		270436803	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	600.000	1.500.000	
1934	Trần Lê Thị Nguyệt		13/08/1971	270922281	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	450.000	1.500.000	
1935	Lê Văn Hương	01/07/1932		270452384	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1936	Nguyễn Thị Khen		10/05/1934	270452119	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1937	Đỗ Quý Trường	07/10/1932		270437284	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1938	Nguyễn Thị Nhon		01/01/1934	270437285	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1939	Nguyễn Thị Thư		01/01/1932	270436982	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	300.000	1.500.000	
1940	Đỗ Thị Thanh		26/10/1972	271082617	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1941	Đỗ Duy Hào	19/04/2003		0	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	450.000	1.500.000	
1942	Nguyễn Thị Minh		20/05/1933	270436794	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1943	Trương Thanh	01/01/1933		270452140	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	300.000	1.500.000	
1944	Trần Thị Phòng		01/01/1960	0	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1945	Lê Anh Tài	04/12/2008		0	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	600.000	1.500.000	
1946	Huỳnh Thị Ninh		01/01/1934	270437145	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1947	Trần Văn Thông	01/01/1934		270452600	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1948	Nguyễn Thị Van		01/01/1937	270452602	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1949	Nguyễn Thị Ngát		01/01/1934	270437080	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	300.000	1.500.000	
1950	Phạm Ngân Bảo Ngọc		10/10/2007	0	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
1951	Trần Bình Minh	15/12/2006		0	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	750.000	* 1.500.000	
1952	Đặng Thị Hạnh		27/07/1986	272432048	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	300.000	1.500.000	
1953	Phạm Cao Hồ	01/01/1935		270452457	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	750.000	1.500.000	
1954	Nguyễn Thị Lan		05/05/1949	270452458	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1955	Nguyễn Văn Phan	01/01/1935		270436756	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1956	Nguyễn Thị Thành		01/01/1935	270607592	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1957	Phạm Duy Thế	12/02/1935		270431787	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	300.000	1.500.000	
1958	Trần Thị Hòa		01/03/1987	271796650	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	450.000	1.500.000	
1959	Đỗ Văn Kỳ	01/01/1936		270452556	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1960	Đỗ Xuân Lộc	01/01/1936		270437138	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1961	Nguyễn Thị Lụa		01/01/1936	270988115	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1962	Đoàn Thị Rinh		01/01/1936	270452065	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1963	Nguyễn Thị Tơ		01/01/1936	270431979	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1964	Bùi Thị U'		01/01/1936	270431739	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
1965	Nguyễn Thị Suy		10/04/1936	270437058	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1966	Nguyễn Thị Huân		05/02/1937	270436905	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1967	Đặng Thị Loan		01/01/1937	271871319	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1968	Phạm Thị Trò		01/01/1937	270437143	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1969	Nguyễn Văn Việt	04/04/1937		270431985	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1970	Đinh Thị Riêm		20/05/1937	270243198	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	300.000	1.500.000	
1971	Trần Tám	01/06/1937		270431986	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	750.000	1.500.000	
1972	Trần Lê Thị Sương		15/04/1974	271231128	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1973	Đặng Văn Thực	01/01/1938		272432671	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1974	Huỳnh Văn Tợn	01/01/1938		270437158	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1975	Nguyễn Thị Thứ		01/01/1938	270452057	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
1976	Đào Thị Hiệp		08/03/1960	183032766	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1977	Phan Văn Hà	08/03/1938		270922235	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	300.000	1.500.000	
1978	Bùi Thị Liễu		01/01/1942	270431766	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	750.000	1.500.000	
1979	Nguyễn Thanh Bình	26/03/1962		270431768	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1980	Ngô Thị Vui		01/01/1939	270431805	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ (GV10-19)	
1981	Nguyễn Thị Khuyên		01/07/1939	270216146	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1982	Đoàn Thị Mỹ		29/09/1939	270452032	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	300.000	1.500.000	
1983	Nguyễn Khắc Mậu	25/04/1962		271554545	ấp Tân Hưng, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1984	Nguyễn Việt Thanh	01/01/1993		0	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1985	Nguyễn Hoàng Sơn	01/01/1968		270797512	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	450.000	1.500.000	
1986	Bùi Hà Như Quỳnh		02/03/2006	0	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	750.000	1.500.000	
1987	Hà Thị Nga		01/01/1976	272747324	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	300.000	1.500.000	
1988	Phạm Thị Huệ		01/01/1950	271967560	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	600.000	1.500.000	
1989	Lâm Thị Đào		01/01/1920	270411873	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1990	Nguyễn Văn Rạng	01/01/1926		272154058	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	300.000	1.500.000	
1991	Trần Văn Vinh	01/01/1960		270686228	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	600.000	1.500.000	
1992	Nguyễn Hoài Thanh Tâm		08/12/1993	0	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1993	Phạm Hoàng Tuấn Dũ	06/09/2003		0	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	450.000	1.500.000	
1994	Huyền Minh Công	01/01/1927		270435458	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1995	Nguyễn Thị Lộng		01/01/1935	270435459	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1996	Lê Thị Dừa		01/01/1927	270435401	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1997	Đinh Văn Giờ	01/01/1928		270435367	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1998	Nguyễn Thị Tiếp		01/01/1933	270435364	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1999	Nguyễn Thị Trèo		01/01/1930	270411870	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2000	Trần Thị Miên		01/01/1930	270435045	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2001	Lê Thị Nàng		01/01/1934	270435394	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	300.000	1.500.000	
2002	Lê Thị Ra		01/01/1962	0	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	450.000	1.500.000	
2003	Đào Tuế	19/10/1932		270716138	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	600.000	1.500.000	
2004	Trần Lê Nhân	16/03/1980		271351683	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2005	Lê Thị Bích Liên		16/09/1978	271273411	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	450.000	1.500.000	
2006	Nguyễn Thị Bàn		01/01/1927	272023537	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
2007	Ngô Văn Riu	01/01/1931		270435522	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	300.000	1.500.000	
2008	Đào Văn Cường	03/11/1991		272481261	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2009	Vô Thị Gái		01/09/1987	272481945	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2010	Võ Thanh Sơn	20/02/1966		270657808	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2011	Lê Thị Hiền		25/08/1962	272365548	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2012	Nguyễn Thị Hoàng Oanh		13/11/1979	271330447	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	450.000	1.500.000	
2013	Vũ Văn Quán	01/01/1933		270702808	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2014	Nguyễn Thị Ngươi		01/01/1938	270702791	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	300.000	1.500.000	
2015	Nguyễn Đình Nghĩa	04/07/1979		271319983	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2016	Nguyễn Ngọc Quang	10/05/1969		272365731	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2017	Nguyễn Thanh Xiêm	01/01/1979		0	ấp Tân phát, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	450.000	1.500.000	
2018	Trần Ngọc Bình	01/01/1950		272308324	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	600.000	1.500.000	
2019	Trịnh Thị Kim Dung		23/05/2001	0	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	450.000	1.500.000	
2020	Trần Văn Hiếu	12/10/1930		270130705	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng	300.000	1.500.000	
2021	Phan Thanh Hạ	01/01/1977		271513150	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	450.000	1.500.000	
2022	Phan Thanh Nhân	06/10/1943		272411662	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	750.000	1.500.000	
2023	Phan Thanh Thôi	20/08/1980		271399298	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	300.000	1.500.000	
2024	Hoàng Thành Tâm	01/01/1938		270562498	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người từ 80 tuổi trở lên	600.000	1.500.000	
2025	Nguyễn Văn Ngọc	06/06/1934		270716322	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	300.000	1.500.000	
2026	Ngân Thương		21/02/2013	0	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	750.000	1.500.000	
2027	Ngân Xuân Hậu	23/11/1979		272521609	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Trẻ em mồ côi từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi	300.000	1.500.000	
2028	Đinh Công Đạt	19/07/2012		0	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Hộ nhận nuôi trẻ mồ côi dưới 4 tuổi	450.000	1.500.000	
2029	Đinh Chính	16/08/1968		270983624	ấp Tân Phát, xã Đồi 61	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	